



TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH KIÊN GIANG
Số: 1210/QĐ-CQLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2022
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường; Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 3680/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2022 của Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Công văn số 2906/TCQLTT-TTKT ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022;

Theo đề nghị của Quyền Trưởng phòng, Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang.

Kế hoạch kiểm tra định kỳ được gửi cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra theo kế hoạch thay cho thông báo (không bao gồm Phụ lục Danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyền Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Trưởng các Phòng và Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường trực thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục trưởng;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các cơ quan, sở, ngành: Công Thương, Y tế, Nông nghiệp, Thông tin truyền thông, Thanh tra tỉnh, Khoa học Công nghệ, UBND huyện - thành phố;
- Tổ chức, cá nhân tại Điều 1;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng, Đội trực thuộc;
- Niêm yết tại trụ sở Cục, Đội;
- Đăng website của Cục;
- Lưu: VT, NVTH.

CỤC TRƯỞNG



Lê Khánh Hưng

KẾ HOẠCH

Kiểm tra định kỳ năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang
(Kèm theo Quyết định số 1210/QĐ-CQLTT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của
Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang)

I. CĂN CỨ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Căn cứ

- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;
- Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường và Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP;
- Quyết định số 3680/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;
- Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;
- Quyết định số 2568/QĐ-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2022 của Tổng cục Quản lý thị trường.
- Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong năm 2022 và Định hướng chương trình kiểm tra của Tổng cục đã được phê duyệt.

2. Mục đích

- Bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thực phẩm, rượu, thuốc lá, xăng dầu, khí (LPG), thiết bị vật tư y tế, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hàng điện tử, sản phẩm thời trang, kinh doanh hóa chất trên thị trường, hoạt động thương mại điện tử hoặc sử dụng ứng dụng công

nghệ số để kinh doanh; đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, kinh doanh hàng l ừa nhậ lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả; vi phạm về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, góp phần phát triển kinh doanh trong nước, ổn định thị trường; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Nhằm đánh giá tình hình thực thi các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; tổng kết, đánh giá, hướng dẫn các Đội Quản lý thị trường trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực nêu trên; chấn chỉnh các yếu kém, sai sót và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Thông qua công tác kiểm tra định kỳ, thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- Qua kiểm tra phát hiện các bất cập trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

3. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Mọi hành vi vi phạm đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Việc kiểm tra, kiểm soát không gây phiền hà, trở ngại cho các hoạt động kinh doanh hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Việc triển khai tổ chức kiểm tra phải đạt hiệu quả kế hoạch đề ra; việc đánh giá, kết luận kiểm tra phản ánh thực tế khách quan, trung thực và đảm bảo công bằng.

- Nhận định, đánh giá phân tích những nội dung cần quan tâm trong chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực; kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và công tác quản lý thị trường trong thời gian tiếp theo.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, THỜI GIAN VÀ ĐỊA BÀN KIỂM TRA

1. Đối tượng và địa bàn kiểm tra

a) Đối tượng kiểm tra là các tổ chức, cá nhân:

- Tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại điện tử hoặc sử dụng ứng dụng công nghệ số để kinh doanh;

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh xăng dầu; kinh doanh khí (LPG)

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trên thị trường về: trang thiết bị y tế liên quan đến phòng, chống dịch Covid 19; kinh doanh phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; kinh doanh hàng điện tử; sản phẩm thời trang;

- Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh rượu, các sản phẩm thuốc lá;

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất;

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

b) Địa bàn kiểm tra: Các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kiên Giang.

c) Danh sách đối tượng cụ thể được kiểm tra đính kèm theo Kế hoạch.

2. Nội dung kiểm tra

2.1. Hoạt động thương mại điện tử hoặc sử dụng ứng dụng công nghệ số để kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.

- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; chất lượng hàng hóa; nhãn hàng hóa.

- Về thiết lập website thương mại điện tử; thông tin và giao dịch trên website thương mại điện tử; quy định về cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong hoạt động thương mại điện tử.

- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).

2.2. Kinh doanh rượu.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp;

- Giấy phép kinh doanh rượu.

- Tem, nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật.

- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ.

- Niêm yết giá hàng hóa.

- Quảng cáo, khuyến mại (nếu có).

- Công bố/đăng ký công bố sản phẩm.



- Tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn thực phẩm.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).
- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.3. Kinh doanh sản phẩm thuốc lá.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Giấy phép bán buôn/bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- Hóa đơn, chứng từ kèm theo.
- Niêm yết giá hàng hóa.
- Trưng bày, dán tem đối với sản phẩm thuốc lá; nhãn hàng hóa.

2.4. Kinh doanh xăng, dầu.

2.4.1. Thương nhân phân phối xăng dầu.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu.
- Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
- Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường.
- Hợp đồng mua bán xăng dầu.
- Việc đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; đăng ký thời gian bán hàng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Việc áp dụng thống nhất giá bán lẻ xăng dầu trong toàn hệ thống phân phối.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xăng dầu.
- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.4.2. Tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

- Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
- Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường.
- Hợp đồng làm tổng đại lý xăng dầu.
- Việc đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; đăng ký thời gian bán hàng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Việc chấp hành quy định về giá bán lẻ xăng dầu.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ xăng dầu.
- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.4.3. Đại lý bán lẻ xăng dầu.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh xăng dầu (đối với trường hợp thương nhân có hệ thống từ 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên).
- Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
- Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường.
- Hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Việc đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; đăng ký thời gian bán hàng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Việc xây dựng, áp dụng và duy trì có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng xăng dầu theo quy định.
- Việc chấp hành quy định về niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ xăng dầu.
- Giấy chứng nhận kiểm định cột đo xăng dầu, tem kiểm định, dấu kiểm định theo quy định (Chứng chỉ kiểm định).



- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.4.4. *Thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu.*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Hợp đồng nhận quyền bán lẻ xăng dầu.
- Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
- Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường.
- Việc đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; đăng ký thời gian bán hàng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu.
- Việc xây dựng, áp dụng và duy trì có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng xăng dầu theo quy định.
- Việc chấp hành quy định về niêm yết giá và bán theo giá niêm yết.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ xăng dầu.
- Giấy chứng nhận kiểm định cột đo xăng dầu, tem kiểm định, dấu kiểm định theo quy định (Chứng chỉ kiểm định).
- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.4.5. *Cửa hàng bán lẻ xăng dầu.*

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/chi nhánh/địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.
- Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
- Giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường.
- Giấy chứng nhận kiểm định cột đo xăng dầu, tem kiểm định, dấu kiểm định theo quy định (Chứng chỉ kiểm định).
- Việc thực hiện treo biển hiệu theo quy định.
- Việc niêm yết thời gian bán hàng tại khu vực bán hàng theo quy định.

- Việc chấp hành quy định về chất lượng xăng dầu theo quy định.
- Việc chấp hành quy định về niêm yết giá bán các loại xăng dầu và bán đúng giá niêm yết.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ xăng dầu.
- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.5. Kinh doanh khí (LPG).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/ Cửa hàng bán lẻ LPG.
- Hợp đồng mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng.
- Hợp đồng thuê chai LPG; quy định giá bán LPG thuộc hệ thống quản lý; xây dựng chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; báo cáo hệ thống phân phối, nhãn hiệu và hoạt động mua bán khí với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định (Thương nhân kinh doanh mua bán LPG)
- Chứng nhận việc huấn luyện về kỹ thuật an toàn/ phòng cháy và chữa cháy.
- Điều kiện chai LPG, LPG chai lưu thông trên thị trường.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ; nhãn hàng hóa.
- Niêm yết giá hàng hóa; biển hiệu.
- Lập sổ hoặc cơ sở dữ liệu điện tử ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi chai LPG đối với LPG chai bán tại cửa hàng.
- Đo lường trong hoạt động kinh doanh LPG (đối với đối tượng nạp).
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).

2.6. Kinh doanh phân bón.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.
- Quyết định công nhận phân bón được phép lưu hành.
- Công bố/đăng ký công bố sản phẩm.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ; nhãn hàng hóa.



- Niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).
- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.7. Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký thuốc.
- Chứng chỉ chuyên môn.
- Công bố/đăng ký công bố sản phẩm.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ; nhãn hàng hóa.
- Niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).
- Lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.8. Kinh doanh trang thiết bị y tế

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ.
- Nhãn hàng hóa.
- Việc thực hiện niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).

2.9. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

2.9.1. Sản xuất sản phẩm thực phẩm

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện)/Bản cam kết về an toàn thực phẩm (đối với trường hợp không cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện);
- Sổ khám sức khỏe định kỳ.

- Tự công bố/đăng ký công bố sản phẩm.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu sản xuất; ghi nhãn hàng hóa.
- Việc thực hiện niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).
- Lấy mẫu nguyên liệu, sản phẩm thực phẩm để phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.9.2. Kinh doanh sản phẩm thực phẩm

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện)/Bản cam kết về an toàn thực phẩm (đối với trường hợp không cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện);
- Sổ khám sức khỏe định kỳ.
- Lưu giữ hồ sơ thực phẩm (nếu có).
- Nhãn hàng hóa.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ (đối với hàng hóa do nước ngoài sản xuất hoặc hàng hóa do Việt Nam sản xuất có dấu hiệu vi phạm quy định về nhãn hàng hóa, về xuất xứ hàng hóa, về chất lượng hàng hóa);
- Niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).
- Lấy mẫu sản phẩm thực phẩm để phân tích các chỉ tiêu về chất lượng theo quy định (khi cần thiết).

2.10. Kinh doanh hàng điện tử.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ.
- Nhãn hàng hóa.
- Niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).

2.11. Kinh doanh hàng sản phẩm thời trang.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.

CH.C.N
DỤC
THỊ TRƯ
HÈN GIAY
IN LƯ

- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ.
- Nhãn hàng hóa.
- Niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).

2.12. Kinh doanh hóa chất.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp.
- Hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ.
- Nhãn hàng hóa.
- Niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Sở hữu trí tuệ (khi cần thiết).

3. Thời gian thực hiện

Kế hoạch kiểm tra định kỳ thực hiện bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và kết thúc trước ngày 15 tháng 11 năm 2022 (Số vụ kiểm tra Cục phân đầu thực hiện hoàn thành trong 10 tháng).

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Thành phần lực lượng kiểm tra

Các Đội Quản lý thị trường chủ trì thực hiện kiểm tra trong phạm vi địa bàn được phân công phụ trách; Đội có trách nhiệm mời các cơ quan quản lý nhà nước, các lực lượng chức năng trên địa bàn phối hợp với Đội để thực hiện hoạt động kiểm tra, theo yêu cầu thực tế, có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

2. Phân công nhiệm vụ

Căn cứ kế hoạch này, Trưởng các Phòng, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường tổ chức triển khai, thực hiện:

- Các Đội Quản lý thị trường xây dựng chương trình kiểm tra từng tháng cụ thể; tiến hành công tác kiểm tra đúng theo quy định pháp luật, đảm bảo nội dung của kế hoạch; nội dung kiểm tra cụ thể đối với từng đối tượng phải đúng và phù hợp với trách nhiệm, nghĩa vụ mà đối tượng phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Số lượng tổ chức, cá nhân dự kiến được kiểm tra do các Đội Quản lý thị trường chủ trì thực hiện như sau:

Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2022 của Cục: 660 vụ/10 tháng, bình quân 66 vụ/tháng. Trong đó:

- + Đội Quản lý thị trường số 2: 140 vụ, bình quân 14 vụ/tháng;
- + Đội Quản lý thị trường số 3: 120 vụ, bình quân 12 vụ/tháng;
- + Đội Quản lý thị trường số 4: 90 vụ, bình quân 09 vụ/tháng;
- + Đội Quản lý thị trường số 5: 110 vụ, bình quân 11 vụ/tháng;
- + Đội Quản lý thị trường số 6: 90 vụ, bình quân 09 vụ/tháng;
- + Đội Quản lý thị trường số 7: 110 vụ, bình quân 11 vụ/tháng;

- Phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm tham mưu đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang.

- Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đúng quy định.

- Phòng Thanh tra - Pháp chế chịu trách nhiệm giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật của các Đội Quản lý thị trường trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính.

3. Kinh phí, phương tiện và các điều kiện khác phục vụ kiểm tra

Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra theo kế hoạch định kỳ năm 2022 được đảm bảo từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho Cục (Có dự toán chi tiết kèm theo) và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các Đội Quản lý thị trường sử dụng kinh phí, phương tiện, trang thiết bị được cấp để thực hiện công tác kiểm tra, xử phạt theo quy định.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Thời gian thực hiện báo cáo

Thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương, Tổng Cục Quản lý thị trường về chế độ báo cáo của lực lượng Quản lý thị trường định kỳ và đột xuất.

2. Đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo

Các Đội Quản lý thị trường thực hiện chế độ báo cáo: Định kỳ theo quy định; đột xuất khi có yêu cầu; khi kết thúc kế hoạch. Văn bản báo cáo và các phụ lục, biểu số liệu Đội gửi về Cục và gửi đồng thời qua email Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp.



Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp chịu trách nhiệm tham mưu cho Cục trưởng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, báo cáo khi kết thúc kế hoạch về Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường, Chủ tịch UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan đúng thời hạn.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, nội dung cần điều chỉnh, bổ sung Trưởng các Phòng, Đội trưởng các Đội đề xuất về Cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang để được xem xét, xử lý kịp thời./.

